TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/QĐST – VHNGĐ Phổ Yên, *ngày 22 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Bích Ngọc

Thư ký phiên họp: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên họp: Bà Ma Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc " Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-VHNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973

Địa chỉ: xóm C, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn M, sinh năm 1997
2. Chị Dương Thị T, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: xóm C, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên

3. UBND xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã M

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã M

(có mặt chị T; vắng mặt bà P, anh M, ông K – có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bà Nguyễn Thị P trình bầy:

Con trai bà tên Lê Văn M, sinh ngày 02/10/1997. Năm 2014, anh M có tìm hiểu và đi đến kết hôn với chị Dương Thị T, sinh năm 1994 quê quán tại B, Cao Bằng. Ngày 02/12/2014, anh M và chị T tự đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, P, Thái Nguyên. Taị thời điểm đăng ký kết hôn anh M mới hơn 17 tuổi, tuy nhiên anh đã tự kê khai sinh ngày 19/9/1994 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, UBND xã M đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho cho anh M và chị T.

Quá trình chung sống, anh M, chị T ở chung với gia đình bà và đã sinh được 02 con chung là Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017. Tài sản chung không có gì do anh chị ở cùng với bố mẹ. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp và không có sự tin tưởng lẫn nhau. Do mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn chung sống với nhau nữa. Hiện các con của anh M, chị T đang ở cùng với bố và gia đình nhà nội.

Hiện nay do các thông tin về ngày tháng năm sinh của anh M tại giấy đăng ký kết hôn không trùng khớp với các thông tin trên các loại giấy tờ tùy thân như giấy khai sinh, căn cước công dân và trên cơ sở dữ liệu quản lý dân cư quốc gia và cuộc sống vợ chồng của anh chị không có hạnh phúc, do vậy bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị T theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị T trình bày tại bản tự khai và tại phiên họp:

Chị và anh Lê Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2014 tại UBND xã M trên cơ sở tự nguyện. Kể từ khi quen biết, tìm hiểu cho đến khi đăng ký kết hôn, chị không biết anh M sinh năm 1997, anh M nói với chị là anh sinh năm 1994. Do vậy khi đến UBND xã M để làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh M khai sinh năm 1997 và UBND xã M đã dựa trên tự khai của anh chị để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị. Sau đó anh chị đã được UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014, thông tin trên giấy chứng nhận kết hôn ghi Dương Thị T, sinh ngày 04/10/1994 và Lê Văn M, sinh ngày 19/9/1994.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và đã sinh được 02 con chung tên Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017, tại giấy khai sinh của các con đều thể hiện thông tin người cha Lê Văn M, năm sinh 1994. Đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh M phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa, do vậy chị đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017. Hiện nay các con đang chung sống cùng anh M và gia đình bên nội. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh

M, chị T đề nghị để hai con chung ở cùng với bố vì hiện tại các con đang học tập và sinh hoạt ổn định ở xã M.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: không có.

Tại biên bản làm việc ngày 29/4/2025, anh Lê Văn M trình bày: Ngày 12/12/2014, anh và chị Dương Thị T, sinh năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh chưa đủ 20 tuổi nên anh đã tự ý khai man ngày tháng năm sinh là 19/9/1994 để làm sổ hộ khẩu và sử dụng sổ hộ khẩu có thông tin như vậy để làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị T tại UBND xã M. Thực tế anh sinh ngày 02/10/1997 và tại các giấy tờ tùy thân như giấy khai sinh, căn cước công dân, giấy xác nhận nơi cư trú của anh đều thể hiện thông tin ngày tháng năm sinh của anh là ngày 02/10/1997.

Sau đó cuộc sống vợ chồng anh hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xảy ra việc cãi vã và chị T đã bỏ đi khoảng 03 năm, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai, việc đăng ký kết hôn của anh và chị T là trái pháp luật do thông tin anh cung cấp để đăng ký kết hôn là không chính xác. Nay bà P là mẹ anh có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị T, anh nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – đại diện UBND xã M trình bày: Theo sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu giữ, quản lý tại UBND xã M năm 2014 thể hiện: ngày 02/12/2014, Ủy ban nhân dân xã M đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Lê Văn M, sinh ngày 19/9/1994, nơi thường trú: xã M, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và chị Dương Thị T, sinh ngày 04/10/1994, nơi thường trú: xã Đ, huyện B, tỉnh Cao Bằng tại quyển số 01, số G năm 2014. Khi tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị, anh Lê Văn M không cung cấp được chứng minh thư nhân dân nhưng cung cấp được giấy tờ thay thế là sổ hộ khẩu. Thông tin trên sổ hộ khẩu anh M cung cấp thể hiện anh Lê Văn M sinh ngày 19/9/1994. Theo thông tin trên thì anh M đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy UBND xã M đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị. Từ thời điểm đăng ký kết hôn cho anh M, chị T từ năm 2014 cho đến nay, UBND xã M không nhận được thông tin yêu cầu chỉnh lý hay khiếu nại đối với nội dung trên.

Cho đến nay, bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của anh Lê Văn M có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị T do tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh M chưa đủ 20 tuổi theo quy định và cung cấp giấy khai sinh, căn cước công dân của anh M thể hiện ngày tháng năm sinh : 02/10/1997. Căn cứ

vào các giấy tờ trên, đối chiếu với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh M mới hơn 17 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vậy đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. UBND xã M cung cấp cho Tòa án trang sổ đăng ký kết hôn số 71, trang số 171 thể hiện:

Họ và tên chồng: Lê Văn M, sinh ngày 19/9/1994, số giấy CMTND/ hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế: SHK số 547 ngày 25/3/2014

H1 và tên vợ: Dương Thị T, sinh ngày 04/10/1994, số giấy CMTND/ hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế: 085093693

Ngày tháng năm đăng ký: 02/12/2014.

Ngoài ra không còn lưu trữ thêm được tài liệu gì.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với Công an xã M ngày 29/4/2025 thể hiện: Tại công an xã M hiện không còn thông tin lưu trữ bằng hệ thống sổ sách về việc đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lê Văn M tại xóm C 7b, Minh Đ. Qua rà soát cũng không có sổ hộ khẩu của hộ anh Lê Văn M nộp lại trụ sở công an xã M. Trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia thể hiện anh Lê Văn M sinh ngày 02/10/1997, nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm C, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên:

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng cùa Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 29,35,39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 97 BLTTDS về xác minh, thu thập chứng cứ; Điều 365,366 BLTTDS về việc giao văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

* Về nội dung: Áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 81, Điều 131Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã M cấp ngày 02/12/2014; giao cháu Lê Dương Tuấn A và Lê Nhật L cho anh Lê Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành;

Về lệ phí: bà Nguyễn Thị P không phải chịu án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết việc dân sự: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu bà P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn M và đại diện UBND xã M. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp xét theo quy định pháp luật.

*[2].*Về nội dung: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014 do UBND xã M, P thực hiện ngày 02/12/2014. Xét yêu cầu của bà P thấy rằng:

Theo giấy khai sinh, căn cước công dân, xác nhận thông tin nơi cư trú của anh Lê Văn M thể hiện: Anh Lê Văn M sinh ngày 02/10/1997.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014 do UBND xã M cấp cho anh Lê Văn M và chị Dương Thị T, lời trình bày của các đương sự thể hiện: Ngày 02/12/2014, anh Lê Văn M, sinh ngày 19/9/1994 và chị Dương Thị T, sinh ngày 04/10/1994 đăng ký kết hôn tại UBND xã M, P trên cơ sở tự nguyện. Quá trình đăng ký kết hôn, anh Lê Văn M xuất trình sổ hộ khẩu gia đình thể hiện ngày tháng năm sinh của anh M là ngày 19/9/1994 (đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định) trên cơ sở đó, UBND xã M đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh chị theo quy định. Tuy nhiên, đối chiếu với các giấy tờ nhân thân của anh M hiện tại thể hiện ngày tháng năm sinh của anh M là ngày 02/10/1997. Do vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Lê Văn M mới được 17 tuổi 2 tháng nên chưa đủ tuổi kết hôn (nam từ 20 tuổi) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, tuy anh M đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống, anh M và chị T có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Bên cạnh đó, anh chị đều nhất trí đối với yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thị P.

Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định: " Nếu một trong hai bên hoặc cả hai bên yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật…. thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật". Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị T.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật.

Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "1. Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng

2. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn" .

Do việc kết hôn giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị Tuyết vi P1 khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Lê Văn M và chị Dương Thị T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh Lê Văn M và chị Dương Thị T có 02 con chung tên Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017. Hiện các con đang chung sống cùng anh M tại xóm C, xã M. Chị T đề nghị giao cả hai con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại chị đang phải ở nhà thuê, công việc của chị không ổn định nên không có điều kiện để nuôi con, anh M nhất trí. Bên cạnh đó, tại bản trình bày nguyện vọng, hai con chung đều có nguyện vọng ở cùng với bố. Thấy rằng đây là ý chí tự nguyện của các bên và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, do vậy giao cả hai con chung Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh M không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[4] Kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, UBND xã M, thành phố P thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp Luật giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị T theo quy định của pháp Luật. Chị T, anh M liên hệ với UBND xã M để làm thủ tục cải chính năm sinh của người cha trên giấy khai sinh của các con chung theo quy định.

[5]. Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 2 Điều11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự, bà P được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định này theo quy định cuả pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 81,

82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm c khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thị P. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014, quyển số 01/2013, ngày 02/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

2.1.Anh Lê Văn M và chị Dương Thị T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2.2: Về con chung: giao cả hai con chung Lê Dương Tuấn A, sinh ngày 22/12/2013 và Lê Nhật L, sinh ngày 19/10/2017 cho anh Lê Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Minh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

2.3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, UBND xã M, thành phố P thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp Luật giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị T theo quy định . Chị T, anh M liên hệ với UBND xã M để làm thủ tục cải chính năm sinh của người cha trên giấy khai sinh của các con chung theo quy định.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Dân sự: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự, bà P được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001575 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị T có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Minh Đức;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hà Thị Bích Ngọc